

Số: 15 /2017/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án phát triển kinh tế biển tỉnh Ninh Thuận
giai đoạn đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIII và Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIII về phát triển kinh tế biển giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Nghị quyết số 69/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế biển tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 231/TTr-SKHĐT ngày 23 tháng 01 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án phát triển kinh tế biển tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2017.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&ĐT;
- TT. Tỉnh uỷ, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- VPUB: CVP, các PVP, Khối NCTH, Công báo;
- Lưu: VT, KT, Hào.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh

ĐỀ ÁN

Phát triển kinh tế biển tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2020
(kèm theo Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT

Ninh Thuận thuộc vùng Duyên hải Nam Trung bộ, với vị trí địa lý và địa kinh tế vừa có khó khăn, vừa có những thuận lợi, là cửa ngõ nối vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam bộ với các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Là Tỉnh ven biển có đặc thù riêng so với cả nước, với bờ biển dài hơn 105 km và vùng lãnh hải 18 nghìn km², là trung tâm vùng nước trời và là một trong những ngư trường trọng điểm của cả nước, có nhiều vịnh, bãi biển đẹp như Bình Tiên, Vĩnh Hy, Cà Ná..., cùng với điều kiện khí hậu đặc thù về nắng và gió, có nhiệt độ cao, cường độ bức xạ lớn, thời tiết nắng ấm quanh năm, thuận lợi cho phát triển những ngành, lĩnh vực kinh tế biển như du lịch nghỉ dưỡng cao cấp; nuôi trồng, khai thác hải sản; sản xuất muối công nghiệp quy mô lớn; phát triển năng lượng sạch: điện gió, điện mặt trời; xây dựng cảng nước sâu; phát triển công nghiệp ven biển; đồng thời có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của khu vực và cả nước trong việc bảo vệ an ninh quốc gia vùng ven biển và trên biển.

Đại hội Đảng bộ Tỉnh các khóa XI (nhiệm kỳ 2005 – 2010) và khóa XII (nhiệm kỳ 2010 – 2015) đều nhấn mạnh vai trò, vị trí và tầm quan trọng của kinh tế biển, trong đó xác định phát triển kinh tế biển và vùng ven biển là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá của tỉnh; ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế biển gắn với công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng sạch và phát triển du lịch, dịch vụ; khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế về kinh tế biển cả về đánh bắt, nuôi trồng, chế biến và phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá theo hướng bền vững. Đặc biệt, trong Văn kiện Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIII (nhiệm kỳ 2015 – 2020) xác định “kinh tế biển là động lực, trọng tâm phát triển năng lượng sạch, du lịch, nông lâm - thủy sản gắn với công nghiệp chế biến”, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Thực hiện chủ trương trên, những năm qua kinh tế biển của Tỉnh được coi trọng và có bước phát triển, bước đầu phát huy được tiềm năng, lợi thế về kinh tế biển, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn khu vực ven biển. Tuy nhiên, kinh tế biển chưa trở thành động lực trong phát triển kinh tế của Tỉnh, quy mô phát triển kinh tế biển chưa tương xứng với tiềm năng. Hệ thống kết cấu hạ tầng còn thiếu và chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, cảng biển; giá trị sản xuất công

nghiệp ven biển và năng lực chế biến thủy sản xuất khẩu phát triển chậm; quy mô công suất tàu khai thác còn hạn chế; lợi thế về du lịch biển chưa được khai thác hiệu quả. Văn hóa - xã hội vùng biển còn một số vấn đề bức xúc chậm được giải quyết, nhất là về môi trường khu vực dân cư và vùng nuôi trồng thủy sản; công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch vùng ven biển còn bất cập; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, tạo đột phá cho phát triển nhanh và bền vững, việc xây dựng Đề án phát triển kinh tế biển giai đoạn đến năm 2020 là thực sự cần thiết.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Biển Việt Nam năm 2012;
- Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo năm 2015;
- Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/02/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020;
- Nghị quyết số 27/2007/NQ-CP ngày 30/5/2007 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/02/2007 về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020;
- Quyết định số 61/2008/QĐ-TTg ngày 09/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển dải ven biển miền Trung Việt Nam đến năm 2020;
- Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020;
- Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020;
- Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 03/11/2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI về phát triển kinh tế biển giai đoạn 2006 – 2010 và định hướng đến năm 2020;
- Chương trình hành động số 104-CTr/TU ngày 13/6/2007 của Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh;
- Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIII và Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 26/10/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIII về phát triển kinh tế biển giai đoạn 2016 – 2020 và những năm tiếp theo;
- Nghị quyết số 69/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 của Hội đồng nhân dân về phát triển kinh tế biển tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2020.

Phần II

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, kinh tế trong nước có nhiều biến động, lạm phát tăng cao, xuất phát điểm nền kinh tế của tỉnh còn thấp, năng lực cạnh tranh nền kinh tế và doanh nghiệp còn hạn chế, nhưng với sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Trung ương, của Tỉnh ủy, cùng sự nỗ lực khắc phục khó khăn của các cấp, các ngành, kinh tế của tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển khá, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 10,3%/năm, GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt khoảng 28,8 triệu đồng, tăng gấp 2,3 lần so với năm 2010, rút ngắn nhanh hơn khoảng cách chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người so với cả nước. Nổi bật là thu ngân sách trong những năm gần đây tăng khá nhanh, năm 2011 là năm đầu tiên, thu ngân sách của tỉnh vượt qua ngưỡng 1.000 tỷ đồng (đạt 1.158 tỷ đồng) và đến năm 2015 đạt 1.883 tỷ đồng, tăng gấp 2,1 lần so với năm 2010.

Đạt được kết quả trên có vai trò quan trọng của kinh tế biển, tốc độ tăng trưởng kinh tế biển trong giai đoạn 2011-2015 tăng bình quân 13,1%/năm; tỷ trọng đóng góp kinh tế biển vào GDP của tỉnh ngày càng tăng, từ 23,6% vào năm 2010, lên 25,2% năm 2015; những năm qua tỉnh đã huy động được nhiều nguồn lực đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển, tổng vốn đầu tư phát triển kinh tế biển giai đoạn 2011 - 2015 đạt 10.078 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn ODA 4.739 tỷ đồng, chiếm 47%; vốn các thành phần kinh tế và dân cư 5.339 tỷ đồng, chiếm 53%. Phát triển kinh tế biển đã góp phần giải quyết việc làm cho phần lớn lao động trong tỉnh, nhất là vùng nông thôn, ven biển, đến năm 2015 lao động làm việc trong các ngành kinh tế biển khoảng 41,1 nghìn lao động, chiếm trên 12% lao động toàn xã hội (339,2 nghìn lao động), góp phần củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển, đóng góp đáng kể vào sự phát triển chung của toàn tỉnh.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ BIỂN

1. Về khai thác, nuôi trồng thủy hải sản

Thực hiện chủ trương phát triển ngành thủy sản theo hướng bền vững, khai thác tiềm năng lợi thế về kinh tế biển cả về khai thác, nuôi trồng, chế biến và phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá; tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành thủy sản đạt được kết quả quan trọng, phát triển khá toàn diện trên các lĩnh vực cụ thể:

- Về khai thác, phát huy được nội lực nghề cá nhân dân, huy động và sử dụng tốt các nguồn lực, khai thác các lợi thế, tiềm năng về biển gắn với bảo vệ quốc phòng, an ninh vùng biển; năng lực tàu thuyền tiếp tục tăng theo hướng đầu tư đóng mới tàu có công suất lớn đầu tư trang thiết bị hiện đại để vươn khơi gần

12

với bảo vệ quốc phòng - an ninh trên biển, trong 5 năm 2011 - 2015, có 99 chiếc tàu thuyền được đóng mới/85.654 CV, chủ yếu là tàu có công suất lớn trên 90 CV, nâng tổng số tàu thuyền đến cuối năm 2015 toàn tỉnh có 2.747 chiếc tàu cá/274.846 CV; mô hình hợp tác sản xuất trên biển được phát huy hiệu quả, đã hình thành 98 tổ hợp tác đánh bắt trên biển; sản lượng khai thác hải sản năm 2015 đạt trên 76.200 tấn, tăng bình quân 6,9%/năm, từng bước đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- Về nuôi trồng, thực hiện chủ trương xây dựng Ninh Thuận thành trung tâm sản xuất tôm giống quy mô lớn đạt kết quả tích cực, kết cấu hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản được quan tâm đầu tư, trong giai đoạn 2011 - 2015, từ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung, Tỉnh đã bố trí 149.148 triệu đồng để đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật Trại thực nghiệm giống thủy sản và các khu nuôi tôm An Hải, Sơn Hải ... , bước đầu phát huy được lợi thế về sản xuất giống thủy sản, năng lực sản xuất tăng nhanh, quy mô sản xuất giống được mở rộng. Hiện nay, toàn tỉnh có trên 350 cơ sở doanh nghiệp sản xuất giống thủy sản đang hoạt động, với công suất trên 28,5 tỷ con, sản lượng năm 2015 đạt 19,6 tỷ con giống, tăng gấp 1,8 lần so với năm 2010. Hàng năm cung ứng 20-25% sản lượng sản xuất của cả nước và tiếp tục giữ vững vị trí là trung tâm giống lớn nhất của cả nước với nòng cốt là các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước đầu tư, như: Công ty CP, Việt Úc, Unipresident, Minh Phú... Kết quả chuyển đổi đối tượng nuôi mới tôm thẻ chân trắng đang phát huy hiệu quả, góp phần đưa sản lượng nuôi tôm thương phẩm năm 2015 đạt 6.623 tấn, tăng 0,8 lần so với năm 2010.

- Hệ thống các cảng cá, bến cá được đầu tư đã phát huy hiệu quả, hiện có 03 cảng cá, với cầu tàu trên 585m (Đông Hải dài 265m, Ninh Chữ dài 120m, Cà Ná dài 200m) và 01 bến cá Mỹ Tân với quy mô neo đậu 3.200 tàu cá các loại, phục vụ cho tàu thuyền đánh cá trong và ngoài tỉnh neo đậu, tránh trú bão và tiêu thụ sản phẩm; hàng năm có hơn 21 nghìn lượt tàu thuyền cập cảng và trên 21 nghìn tấn hàng hóa qua cảng.

- Tập trung huy động có hiệu quả các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển các dịch vụ hậu cần nghề cá, chất lượng dịch vụ từng bước được nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ đánh bắt, tiêu thụ hải sản trên địa bàn tỉnh, hiện các cảng cá (Cà Ná, Đông Hải, Ninh Chữ) đã hình thành 172 cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, gồm: 13 cửa hàng xăng dầu, 9 cơ sở sản xuất đá lạnh, 40 cơ sở cơ khí sửa chữa tàu thuyền, 46 cơ sở thu mua hải sản, 30 cơ sở chế biến hải sản, 34 cơ sở kinh doanh dịch vụ cung cấp thực phẩm, các đồ dùng thiết yếu khác và 05 cơ sở đóng tàu đủ điều kiện đóng mới, nâng cấp, cải hoán tàu cá vỏ gỗ theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó có 03 cơ sở đủ điều kiện đóng tàu có công suất từ 400CV trở lên và 02 cơ sở đóng tàu từ 90 trở lên đến 400CV, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao mức sống cho người lao động khu vực ven biển.

2. Về phát triển du lịch biển

- Thực hiện chủ trương phát triển du lịch là một trong những ngành kinh tế động lực, trong những năm qua đã tập trung tổ chức nhiều hoạt động quảng bá, xúc

tiền, kêu gọi đầu tư khai thác tiềm năng, lợi thế về du lịch của tỉnh; huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch, như tuyến đường ven biển, hạ tầng kỹ thuật ở các khu vực du lịch trọng điểm như: Vĩnh Hy, Bình Sơn - Ninh Chữ, Vườn Quốc gia Núi Chúa, ...; cơ sở hạ tầng về cấp điện, cấp nước được quan tâm đầu tư đầu tư đến các khu du lịch, các làng nghề truyền thống, cùng với các tuyến du lịch biển kết hợp với tham quan các di tích lịch sử văn hoá, làng nghề được hình thành, thu hút được nhiều du khách trong và ngoài nước đến tham quan, nghỉ dưỡng. Tính đến cuối năm 2015, toàn tỉnh có 102 cơ sở lưu trú, với tổng số 2.150 phòng; đã thu hút trên 1,5 triệu lượt khách, gấp 2,1 lần so với năm 2010, trong đó khách quốc tế chiếm khoảng 8%; doanh thu tăng bình quân hàng năm 14,5%.

- Công tác thu hút đầu tư phát triển du lịch được quan tâm chỉ đạo đạt kết quả tích cực, trong 05 năm 2011 - 2015 có 16 dự án du lịch đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư và chấp thuận chủ trương về địa điểm, với tổng vốn đăng ký trên 3.593 tỷ đồng, trong đó có 13 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư/ 3.503 tỷ đồng, nâng tổng số dự án du lịch được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh đến cuối năm 2015 lên 37 dự án, tổng vốn đăng ký trên 9.943 tỷ đồng, đã có 17 dự án hoàn thành đi vào hoạt động với tổng vốn đầu tư 2.753,67 tỷ đồng, chiếm 46% tổng số dự án và 27,6 % số vốn đăng ký, trong đó có một số dự án quy mô lớn, đạt tiêu chuẩn 3-5 sao như: dự án khu du lịch sinh thái Nam Núi Chúa (Amanoi) tiêu chuẩn 5 sao, Khu du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ tiêu chuẩn 04 sao, Khu du lịch Long Thuận tiêu chuẩn 03 sao và một số dự án đang đẩy nhanh tiến độ sẽ hoàn thành trong năm 2016 - 2017, như: khu du lịch Hoàn Mỹ (Bình Sơn) khu du lịch nghỉ dưỡng Hồ Ba Bể (Phước Dinh), khu du lịch sinh thái cao cấp Núi Chúa ..., sẽ góp phần tạo động lực mới để đẩy mạnh phát triển ngành du lịch của tỉnh trong những năm tới.

3. Về phát triển công nghiệp biển và ven biển

- Chủ trương phát triển công nghiệp chế biến làm động lực để chuyển dịch cơ cấu kinh tế đạt kết quả bước đầu, đã tập trung thu hút các thành phần kinh tế đầu tư khai thác tiềm năng, lợi thế về biển để phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến các sản phẩm có lợi thế của tỉnh, như: chế biến thủy sản, sản xuất chế biến muối, rong sụn, xi măng, đá granit, titan ... Kết quả, trong 05 năm 2011 - 2015, có 46 dự án công nghiệp biển được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư và chấp thuận chủ trương về địa điểm, với tổng vốn đăng ký trên 46.021 tỷ đồng; trong đó có 30 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư/ 21.001 tỷ đồng, nâng tổng số dự án công nghiệp biển được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lên 51 dự án, tổng vốn đăng ký trên 23.824,2 tỷ đồng, có 27 dự án hoàn thành đi vào hoạt động với tổng vốn đầu tư 1.791 tỷ đồng, chiếm 53 % tổng số dự án và 7,5 % số vốn đăng ký, trong đó một số dự án có quy mô lớn, như: Nhà máy chế biến tôm xuất khẩu số 2 (Công ty TNHH Thông Thuận) công suất 8.000 tấn/năm, dự án sản xuất và xuất khẩu muối Quán Thẻ quy mô 2.510 ha, sản lượng 500 ngàn tấn/năm, dự án sản xuất chế biến sản phẩm muối cao cấp và muối iốt qui mô 200 ngàn tấn/năm và dự án Nhà máy chế biến rong sụn công suất 3.000 tấn/năm. Tổng sản lượng hải sản chế biến xuất khẩu năm 2015 đạt khoảng trên 6.060 tấn, tăng 2,5 lần so năm 2010; cùng với các sản phẩm về chế biến nước mắm, chế biến cá hấp, cá khô... được tiếp

tục duy trì và ổn định sản xuất, góp phần tăng năng lực sản xuất mới, thúc đẩy nhịp độ tăng trưởng của ngành công nghiệp. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp năm 2015 đạt 3.085 tỷ đồng, tăng bình quân 16,3%, trong đó công nghiệp biển chiếm 53,2% tổng giá trị ngành công nghiệp.

- Các quy hoạch phát triển năng lượng sạch (điện gió, điện mặt trời), khai thác, chế biến khoáng sản được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện và đang được nhiều nhà đầu tư quan tâm, đăng ký đầu tư, trong đó có một số dự án quy mô lớn như: dự án Khu khai thác và tuyển quặng sa khoáng titan zircon công suất 195.500 tấn/năm của Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Ninh Thuận, Nhà máy phong điện Mũi Dinh công suất 37,6 MW của Công ty TNHH Điện gió Mũi Dinh, dự án điện gió Trung Nam công suất 90 MW của Công ty CP điện gió Trung Nam, sẽ góp phần tạo động lực cho phát triển công nghiệp biển trong những năm tới.

- Hạ tầng công nghiệp biển tiếp tục được quan tâm đầu tư, đã cơ bản hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Tháp Chàm và Khu công nghiệp Thành Hải, thu hút 21 dự án đầu tư đang triển khai, trong đó có 15 dự án đã đi vào hoạt động; tiếp tục triển khai đầu tư mở rộng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thành Hải (77,9ha) theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đang kêu gọi đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Cà Ná (827,2 ha) để thu hút đầu tư các dự án luyện cán thép, cơ khí đóng tàu, cảng biển, dịch vụ hậu cần nghề cá và các ngành công nghiệp phụ trợ để phát triển năng lượng sạch. Đối với 2 khu công nghiệp Du Long và Phước Nam đang được các nhà đầu tư triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng giai đoạn I, tuy nhiên tiến độ triển khai chậm, không hoàn thành theo tiến độ đề ra.

4. Về phát triển nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế biển

Bám sát các quan điểm, mục tiêu, định hướng về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/11/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII), UBND tỉnh đã xây dựng và phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh giai đoạn 2011 – 2020 tại Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 13/12/2011 và ban hành các chương trình, đề án như: Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU tại Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 29/5/2012; phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức giai đoạn 2011-2015 (Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 20/11/2011) và Đề án đào tạo sau đại học ở nước ngoài giai đoạn 2010 – 2015 ..., nhằm cụ thể hoá và thực hiện kịp thời, hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 03-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII), với mục tiêu chung là: Phát triển nhân lực bảo đảm đủ về số lượng, có cơ cấu phù hợp, có trình độ chuyên môn cao, phục vụ tốt nhất nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đảm bảo thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của địa phương, trong đó xác định mục tiêu, phương hướng và giải pháp phát triển nhân lực cho từng ngành cụ thể, trong đó có các ngành kinh tế biển như năng lượng, công nghiệp biển, cảng biển, logistics, du lịch, thủy sản, ... Đồng thời, UBND tỉnh đã kiến nghị và được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đưa Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận vào danh mục trường nghề trọng điểm quốc gia giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 854/QĐ-BLĐTBXH ngày

06/06/2013, trong đó có 05 nhóm nghề ưu tiên hỗ trợ đào tạo, gồm: 02 nghề cấp trình độ quốc tế (Điện công nghiệp, Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp), 02 nghề cấp trình độ khu vực ASEAN (Lắp đặt thiết bị cơ khí và Điện tử công nghiệp) và 01 nghề cấp trình độ quốc gia là Công nghệ ô tô.

Kết quả trong 5 năm 2011-2015, đã tổ chức đào tạo nghề cho 57.930 người, trong đó, số tham gia học nghề trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp là 6.646 người; tham gia học nghề ngắn hạn trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên dưới 03 tháng là 51.284 người (cơ cấu ngành nghề đào tạo: Công nghiệp - Xây dựng chiếm 25%, Nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 26,6%, Dịch vụ chiếm 48,4%). Bên cạnh đó, công tác đào tạo nghề cho lực lượng lao động trong lĩnh vực thủy sản được chú trọng, thông qua Đề án 2434 của Tỉnh¹, từ năm 2011 đến nay đã đào tạo nghề cho 6.273 lao động (gồm 2.580 Thuyền trưởng, 1.064 máy trưởng các hạng và 2.629 thuyền viên tàu cá các loại). Qua đó góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến cuối năm 2015 đạt 50,4%, trong đó đào tạo nghề đạt 33,5%. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế biển năm 2015 khoảng 41 nghìn lao động, chiếm trên 12,1% lao động làm việc trong các ngành kinh tế của tỉnh.

Thực hiện chủ trương xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, trong 5 năm 2011 – 2015, có 175 trường hợp được đào tạo Thạc sĩ và 04 trường hợp được đào tạo Tiến sĩ; đã tuyển chọn và đang bố trí đào tạo 08 ứng viên theo Đề án đào tạo sau đại học ở nước ngoài; ngoài ra còn có 19 trường hợp đã được chọn đi đào tạo ngoại ngữ trong nước và đang tiếp tục đào tạo sau Đại học ở nước ngoài theo Đề án 165 và các chương trình học bổng của Trung ương; có 03 trường hợp đào tạo Thạc sĩ ở nước ngoài theo chương trình học bổng nước ngoài; đã cử 39 cán bộ công chức đi bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn ở nước ngoài về quản lý nguồn năng lượng, quản lý kinh tế, quản lý - bảo vệ môi trường, nâng cao trình độ ngoại ngữ, ... và cử 369 cán bộ, CCVC thuộc các cơ quan, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp các cấp đi bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm, khảo sát - nghiên cứu, tiếp cận công nghệ kỹ thuật ở nước ngoài để áp dụng, vận dụng trong đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ về phát triển các ngành kinh tế biển

Chủ trương tăng cường tiềm lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ được chú trọng, đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng nhiều đề tài, dự án mới có tính ứng dụng cao, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, khai thác, nuôi trồng và sản xuất chế biến thủy sản, trong giai đoạn 2007 – 2015, có 12 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp tỉnh trong lĩnh vực phát triển kinh tế biển đã được triển khai thực hiện, trong đó, một số kết quả, sản phẩm của các đề tài đã được triển khai vào thực tiễn, như: Đề tài “nghiên cứu cải tiến lồng, bẫy truyền thống để nâng cao hiệu quả khai thác”; Đề tài “nghiên cứu thiết kế mẫu tàu cá truyền thống của tỉnh Ninh Thuận”; Đề tài “nghiên cứu ứng dụng đèn LED cho nghề lưới vây xa

¹) Đề án đào tạo và cấp chứng chỉ nghề thuyền trưởng, máy trưởng và nghiệp vụ thuyền viên tàu cá đến năm 2020, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2434/QĐ-UBND của UBND Tỉnh.

h

bờ tại tỉnh Ninh Thuận”; Đề tài “thử nghiệm sinh sản nhân tạo giống ghẹ xanh và giống cua xanh tại Ninh Thuận”; Đề tài “ứng dụng và triển khai mô hình trồng các loại rong sụn có nguồn gốc từ Philippines tại vùng biển Ninh Thuận” và các đề tài nghiên cứu các giải pháp và ứng dụng công nghệ sản xuất, chế biến thực phẩm từ rong sụn, ... được các cơ quan, đơn vị và người dân vùng biển đón nhận, đưa vào ứng dụng sản xuất đạt kết quả.

6. Về đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật ven biển

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương về xây dựng kết cấu hạ tầng theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) và Chương trình hành động số 145-CTr/TU ngày 19/10/2012 của Tỉnh ủy; tỉnh đã tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư từng bước hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, bảo đảm cho nhu cầu phát triển nhanh và bền vững, tăng tính kết nối liên kết phát triển vùng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm khu vực ven biển, trọng tâm là đầu tư hoàn thành tuyến đường ven biển dài 105,8 km với tổng mức đầu tư trên 4.654 tỷ đồng; đây là dự án có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với tỉnh, góp phần hoàn thành một bước cơ bản về cơ sở hạ tầng giao thông và có tác dụng trên nhiều mặt; đồng thời tạo điều kiện để sắp xếp lại dân cư vùng ven biển, góp phần phòng tránh giảm nhẹ thiên tai và tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh vùng biển, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, từ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương và vốn ngân sách tỉnh với tổng kinh phí hơn 450 tỷ đồng, đã tập trung đầu tư hoàn thành 19,6 km đường giao thông kết nối tuyến đường ven biển, các tuyến giao thông vào các khu du lịch, khu sản xuất thủy sản tập trung như: các tuyến đường Hải Thượng Lãn Ông, đường Trường Chinh, Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Thị Minh Khai kết nối đường Yên Ninh, đường vào các Cảng Cà Ná, đường vào Trung tâm giống thủy sản tập trung An Hải,... tạo động lực thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế biển nói riêng và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực ven biển nói chung.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai vùng ven biển được quan tâm đầu tư, những năm qua, từ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu của Chính phủ và vốn ngân sách tỉnh, đã đầu tư trên 185 tỷ đồng xây dựng 7 công trình kè, đê chống sạt lở với chiều dài trên 8,1 km ở địa bàn các xã, phường ven biển, như: kè chống sạt lở bờ biển khu vực Đầm Vua, Khánh Hội, Ninh Chũ, Đông Hải, Phú Thọ và khu dân cư xã Phước Diêm, ... góp phần bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản cho nhân dân các khu vực ven biển trong mùa mưa bão.

- Hệ thống thông tin liên lạc được nâng cấp, mở rộng, phục vụ tốt nhu cầu thông tin liên lạc cho người dân vùng biển, đặc biệt là công tác phòng tránh thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên biển. Hiện nay, trên địa bàn 15 xã, phường, thị trấn ven biển² có 05 đài truyền thanh cấp huyện, 6 bưu cục, 7 điểm bưu điện văn hóa xã,

²) Trong đó: thành phố Phan Rang-Tháp Chàm có 5 phường: Văn Hải, Mỹ Hải, Mỹ Bình, Mỹ Đông và Đông Hải; huyện Ninh Phước: xã An Hải; huyện Ninh Hải: thị trấn Khánh Hải, xã Tri Hải, Nhơn Hải, Thanh Hải và Vĩnh Hải; huyện Thuận Nam: xã Phước Dinh, Cà Ná và Phước Diêm; huyện Thuận Bắc: xã Công Hải.

126 trạm thu phát sóng thông tin di động, 83 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, 118 điểm cung cấp dịch vụ truy cập internet công cộng bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt 24/24 giờ cho các phương tiện tàu thuyền đang hoạt động trên biển, góp phần chuyển tải thông tin phục vụ tốt công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, kịp thời cung cấp thông tin về dự báo thời tiết trên biển, bảo đảm an toàn về con người, phương tiện đánh bắt hải sản và bảo vệ chủ quyền trên biển.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế biển đạt được một số kết quả quan trọng bước đầu. Tình hình kinh tế - xã hội của Tỉnh nói chung và các vùng ven biển nói riêng tiếp tục có chuyển biến tích cực trên nhiều mặt; tốc độ tăng trưởng kinh tế biển tăng khá; tiềm năng và thế mạnh về kinh tế biển được nhận diện và đánh giá đúng mức, lợi thế mới về năng lượng sạch (điện gió, điện mặt trời), du lịch biển đang được nhiều nhà đầu tư quan tâm; huy động được nhiều nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng vùng ven biển, một số dự án, công trình mang tính chiến lược được triển khai, một số dự án quy mô lớn hoàn thành, đã góp phần khai thác tốt hơn các tiềm năng của biển và vùng ven biển; đời sống nhân dân vùng ven biển ngày càng được cải thiện; công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, ứng dụng khoa học - công nghệ, phòng chống thiên tai được quan tâm; công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển được tăng cường.

- Cơ cấu nội bộ ngành thủy sản chuyển dịch tích cực, khai thác tốt các tiềm năng lợi thế về sản xuất giống, nuôi trồng theo hướng sản xuất tập trung quy mô lớn; hạ tầng nghề cá được quan tâm đầu tư tương đối đồng bộ từng bước hình thành trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá của khu vực.

- Công nghiệp biển của tỉnh đã có chuyển biến tích cực, một số dự án sản xuất công nghiệp ven biển đang hình thành và đi vào hoạt động như: chế biến thủy sản; muối công nghiệp; chế biến muối tinh, muối Iốt; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền; chế biến nước mắm, khai thác titan...

- Lĩnh vực du lịch biển có chuyển biến bước đầu, cơ sở vật chất của ngành du lịch tiếp tục được đầu tư và nâng cấp; một số dự án du lịch có chất lượng cao hoàn thành đưa vào hoạt động, cùng với một số tuyến du lịch sinh thái biển kết hợp với tham quan các di tích lịch sử văn hoá, làng nghề,... đã thu hút được du khách trong và ngoài nước.

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Kinh tế biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển còn thiếu và chưa đồng bộ, kết nối giữa tuyến đường ven biển với các tuyến đường quốc lộ và tỉnh lộ chưa nhiều, chưa phát huy hết hiệu quả; thiếu các cảng biển hàng hóa và cảng biển chuyên dùng, chưa hình thành các loại hình vận tải biển và dịch vụ logistics;

- Lĩnh vực thủy sản phát triển chưa bền vững, hiệu quả nghề khai thác còn thấp; một số vùng nuôi trồng diêm vẫn còn tình trạng ô nhiễm, nhiều loại dịch bệnh phát sinh; thực hiện chủ trương đa dạng đối tượng nuôi phát triển còn chậm;

- Giá trị sản xuất công nghiệp biển và kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt thấp; tiến độ triển khai đầu tư các dự án năng lượng sạch (điện gió, điện mặt trời) còn chậm; hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản titan còn nhiều bất cập;

- Phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, tỷ trọng trong GDP còn thấp; một số dự án du lịch có quy mô lớn chậm hoàn thành, một số sản phẩm du lịch đặc thù chưa được đầu tư đúng mức, còn đơn điệu, chưa tạo được nét đặc trưng riêng để thu hút du khách;

- Nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế biển còn hạn chế; công tác quản lý đất đai, quy hoạch, môi trường và thu hút đầu tư có mặt còn bất cập; ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của một bộ phận nhân dân vùng ven biển chưa cao; ô nhiễm môi trường ở một số nơi chậm được khắc phục.

- Chất lượng nguồn nhân lực một số ngành, lĩnh vực chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, công tác đào tạo nghề có lĩnh vực chưa sát với nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp,...

3. Nguyên nhân của những hạn chế

a) Về khách quan

Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế biển trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm, trong nước tiếp tục thực hiện chủ trương cắt giảm đầu tư công nên nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước để đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển có hạn chế, một số dự án đầu tư quan trọng của tỉnh theo quy hoạch không cân đối được nguồn vốn để triển khai hoặc không đáp ứng được nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, trong khi nguồn lực đầu tư từ nội tại nền kinh tế của tỉnh còn thấp và nhiều khó khăn, chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ của Trung ương; điều kiện địa kinh tế không thuận lợi và kém cạnh tranh hơn so với các tỉnh trong khu vực nên khó khăn trong thu hút đầu tư các nguồn lực xã hội.

b) Về chủ quan

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của kinh tế biển đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh chưa thật đầy đủ, sâu sắc, chưa tạo được sự thống nhất cao trong xây dựng và phát triển một số ngành kinh tế biển; công tác quy hoạch phát triển vùng ven biển chưa đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực; một số dự án có quy mô lớn chậm triển khai hoặc không triển khai nhưng chưa có biện pháp giải quyết hiệu quả; thiếu các chính sách hỗ trợ mang tính đột phá để khuyến khích thu hút các nguồn lực cho nhiệm vụ phát triển các ngành kinh tế biển.

Phần III

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển kinh tế biển và vùng ven biển là nhiệm vụ trọng tâm, tạo đột phá cho tăng trưởng; xây dựng kinh tế biển trở thành ngành kinh tế động lực, có cơ cấu hợp lý với tốc độ tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tập trung huy động, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế biển; ưu tiên sử dụng nguồn lực Nhà nước để đầu tư kết cấu hạ tầng vùng ven biển; thu hút, kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư vào các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng thủy sản, du lịch, công nghiệp ven biển, năng lượng sạch, cảng biển. Phát huy có hiệu quả các tiềm năng lợi thế, xây dựng vùng ven biển trở thành vùng “kinh tế mở”.

- Phát triển kinh tế biển phải kết hợp với bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống người dân; bảo đảm môi trường, tăng trưởng xanh và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu

a) Mục tiêu:

- Tập trung xây dựng và phát triển các ngành kinh tế biển theo hướng toàn diện và hiện đại. Phấn đấu đến năm 2020, Ninh Thuận trở thành tỉnh có kinh tế biển phát triển bền vững, đồng bộ, có năng lực cạnh tranh cao, là trung tâm năng lượng sạch, là khu vực trọng điểm du lịch quốc gia và là trung tâm sản xuất giống thủy sản của cả nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh, bền vững gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng biển và ven biển.

- Trước mắt, tập trung ưu tiên đầu tư phát triển 03 nhóm ngành: Khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản; phát triển du lịch biển; phát triển công nghiệp biển và ven biển để tạo bứt phá và trở thành động lực phát triển cho các ngành kinh tế khác.

b) Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Phấn đấu trong giai đoạn 2016 – 2020 tốc độ tăng trưởng kinh tế biển tăng bình quân 15-16%/năm;

- Đến năm 2020: Kinh tế biển chiếm 38-40% tổng sản phẩm nội tỉnh; tổng giá trị sản xuất, dịch vụ kinh tế biển đạt khoảng 17.000 – 17.500 tỷ đồng, trong đó: Thủy sản chiếm 34-35%; công nghiệp ven biển 55-56% và du lịch biển 9-10%; giá trị kim ngạch xuất khẩu của các ngành kinh tế biển chiếm 46-47% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh;

- Phân đầu huy động tổng vốn đầu tư cho các ngành kinh tế biển khoảng 19.000 – 20.000 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước và ODA khoảng 5.000 – 5.500 tỷ đồng, chiếm khoảng 26 - 28%. Nâng cao chất lượng du lịch biển, từng bước trở thành khu vực du lịch trọng điểm của quốc gia.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phát triển đồng bộ khai thác, nuôi trồng thủy hải sản

a) Về khai thác

- Tiếp tục rà soát, bổ sung Đề án tổ chức lại nghề khai thác hải sản, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 của HĐND tỉnh gắn với thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và các chính sách hỗ trợ khác; khuyến khích ngư dân đầu tư tàu thuyền công suất lớn, trang thiết bị hiện đại vươn khơi, góp phần thúc đẩy tái cơ cấu ngành khai thác hải sản theo hướng nâng cao hiệu quả, bền vững gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

- Phát triển ngành nghề khai thác hải sản theo hướng giảm dần những nghề khai thác gây hại nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái; duy trì và phát triển những nghề có tính chọn lọc cao, thân thiện với môi trường; phát triển các nghề vây khơi, câu khơi kết hợp chụp mực, câu cá ngừ đại dương; giảm mạnh các nghề lưới kéo, nghề cố định, nghề lưới vó, nghề mảnh và giảm dần một số nghề lưới rê ven bờ theo Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 06/8/2013.

- Cùng cố và phát triển các mô hình dịch vụ khai thác trên biển theo hướng khuyến khích các thành phần kinh tế thành lập các đội tàu cung ứng dịch vụ hậu cần, thu mua sản phẩm khai thác xa bờ nhằm nâng cao hiệu quả khai thác hải sản cho ngư dân. Phân đầu đến năm 2020, tổng số tàu thuyền khoảng 2.900 chiếc/380.000 CV; sản lượng khai thác đạt 70-75 nghìn tấn, trong đó khai thác xa bờ chiếm 65 - 70%.

- Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ khai thác, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá, trọng tâm là đầu tư nâng cấp, mở rộng các cảng cá Mỹ Tân, Đông Hải, Ninh Chữ, Cà Ná thành các trung tâm thương mại nghề cá, kết hợp làm nơi tránh trú bão cho tàu thuyền, quy mô mỗi cảng từ 500 – 1.000 chiếc và tiếp nhận tàu có công suất từ 500 - 1.000CV

b) Về nuôi trồng

- Tập trung triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phát triển nuôi trồng thủy sản, nhất là đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ cao vào sản xuất. Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương xây dựng Ninh Thuận thành trung tâm tôm giống chất lượng cao của cả nước, trong đó, chú trọng tăng cường công tác quản lý nguồn gốc và chất lượng giống.

- Huy động các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu các vùng nuôi tôm công nghiệp tập trung An Hải, Sơn Hải, Nhơn Hải theo quy hoạch; hình thành các vùng nuôi tôm tập trung quy mô lớn đạt tiêu chuẩn GAP, tạo nguồn nguyên liệu chủ lực cho công nghiệp chế biến.

- Khai thác và bảo vệ hiệu quả tính đa dạng sinh học đối với các đối tượng nuôi vùng Đầm Nại để vừa khai thác bền vững, vừa phát triển du lịch và đô thị ven biển theo quy hoạch.

- Phân đầu đến năm 2020, diện tích nuôi trồng thủy hải sản đạt 2.400-2.500 ha, trong đó diện tích nuôi tôm khu vực Đầm Nại, An Hải, Sơn Hải, Từ Thiện khoảng 1.000 ha; tổng sản lượng nuôi trồng thủy hải sản đạt 18-20 nghìn tấn; sản lượng tôm post trên 36 tỷ con. Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản chiếm 46 - 47% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

2. Tăng cường đầu tư phát triển du lịch biển

- Tập trung ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật các khu du lịch trọng điểm và các vùng có tiềm năng phát triển du lịch biển, nhất là các khu vực Bình Tiên - Vĩnh Hy, Bình Sơn - Ninh Chữ, Hòn Đỏ, Đầm Nại, Mũi Dinh, Cà Ná để sớm hình thành các khu du lịch có đẳng cấp, tạo động lực phát triển nhanh ngành du lịch của tỉnh. Ưu tiên nguồn lực nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước. Trước mắt tập trung đầu tư nâng cấp các tuyến đường kết nối đường ven biển với Quốc lộ 1A, đường vào các khu du lịch biển, hoàn thành đầu tư đường đi bộ ven biển Bình Sơn - Ninh Chữ, hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Vĩnh Hy, Đầm Nại,...

- Huy động mọi nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư có uy tín tham gia các dự án du lịch quy mô lớn, chất lượng cao, từng bước hình thành các trung tâm du lịch ven biển đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án du lịch biển trọng điểm theo quy hoạch nhằm hình thành và phát triển các tour, tuyến du lịch nội địa và quốc tế.

- Chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá các sản phẩm du lịch, hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù, độc đáo, tạo điểm nhấn riêng biệt, đặc sắc, phù hợp với các đối tượng, nhất là du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khám phá, để thu hút du khách trong và ngoài nước như: du lịch văn hóa gắn với các lễ hội truyền thống và ẩm thực vùng biển; du lịch sinh thái rừng ven biển Núi Chúa; du lịch gắn với tham quan, nghiên cứu hệ sinh thái san hô Ninh Thuận; du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, chăm sóc sức khỏe từ nguyên liệu đặc thù của địa phương; du lịch gắn với các môn thể thao lướt sóng, thuyền buồm, đua mô tô trên cát...

- Kêu gọi đầu tư xây dựng các cảng chuyên dùng phục vụ du lịch biển Bình Tiên - Vĩnh Hy, Bình Sơn - Ninh Chữ, Mũi Dinh, để tiếp nhận các tàu du lịch trong nước, tạo sự khác biệt có tính cạnh tranh cao so các tỉnh trong khu vực, nhằm cung cấp các sản phẩm du lịch chất lượng cao, đáp ứng tốt nhất nhu cầu "khám phá và tận hưởng" của du khách trong và ngoài nước.

- Khuyến khích mở rộng, nâng cấp hạng sao các cơ sở lưu trú hiện có; phân đầu đến năm 2020 đón trên 2,4 triệu lượt du khách, trong đó khách quốc tế chiếm trên 10%.

3. Phát triển công nghiệp biển và ven biển

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các loại quy hoạch đảm bảo thống nhất, đồng bộ và phù hợp với tình hình thực tiễn. Tập trung kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư có năng lực, đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Cà Ná, cụm công nghiệp Tri Hải, gắn với đầu tư xây dựng cảng biển quốc tế Cà Ná có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải đến 300.000 DWT, quy mô hàng hóa qua cảng đạt trên 25 triệu tấn/năm và nâng cấp cảng cá Ninh Chữ thành khu cảng tổng hợp, nhằm hình thành các trung tâm công nghiệp ven biển của tỉnh, tạo điều kiện thu hút các dự án công nghiệp có nhu cầu vận tải đường biển, từng bước hình thành và phát triển các loại hình dịch vụ logistics, như vận tải biển, hệ thống các kho tàng, bến bãi, cung ứng các dịch vụ kỹ thuật bảo dưỡng, bảo hành và cung ứng vật tư kỹ thuật phục vụ vận tải biển.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghiệp ven biển đã được cấp phép đầu tư; tập trung phát triển ngành năng lượng tái tạo gồm điện gió, điện mặt trời khu vực ven biển theo quy hoạch. Ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp quy mô lớn, có công nghệ tiên tiến, để tạo đột phá phát triển các ngành công nghiệp biển và ven biển, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp chế biến thủy sản, công nghiệp sản xuất muối và sản phẩm sau muối, công nghiệp phụ trợ; công nghiệp đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, hệ thống kho tàng, bến bãi, cung ứng vật tư kỹ thuật phục vụ vận tải biển và đánh bắt hải sản..., đảm bảo các yêu cầu về môi trường sinh thái biển và ven biển.

- Tiếp tục phát huy năng lực sản xuất các sản phẩm chủ lực hiện có, tập trung đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ. Hỗ trợ phát triển các làng nghề chế biến thủy sản; khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ các cơ sở sản xuất, chế biến hiện có tại các làng nghề ven biển Cà Ná, Đông Hải, Khánh Hải, Mỹ Tân..., chú trọng xây dựng thương hiệu các làng nghề.

- Ổn định diện tích đồng muối hiện có, khuyến khích áp dụng các kỹ thuật tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng muối phục vụ chế biến các sản phẩm sau muối. Đến năm 2020, sản lượng muối đạt trên 475 nghìn tấn, trong đó muối công nghiệp chiếm trên 85%.

- Phấn đấu đến năm 2020, giá trị sản xuất các ngành công nghiệp biển và ven biển chiếm 73-75% tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp; công suất điện gió, điện mặt trời đạt khoảng 220 MW.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung tuyên truyền, tạo sự chuyển biến thật sự trong nhận thức của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của kinh tế biển, về bảo vệ nguồn lợi thủy sản và bảo vệ môi trường sinh thái biển, nhằm bảo đảm tính nhất quán và đồng thuận cao trong thực hiện các chủ trương, quyết sách lớn về phát triển các ngành kinh tế biển.

2. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đất đai, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực vùng ven biển, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và phù hợp tình hình phát triển trong giai đoạn tới. Kiến nghị điều chỉnh bổ sung

quy hoạch bến cảng Ninh Chữ thành cảng tổng hợp, ga đường sắt Cà Ná thành ga hàng hóa, bổ sung tuyến đường sắt kết nối từ ga đến khu công nghiệp Cà Ná và giữ nguyên quy mô, công suất cảng biển quốc tế Cà Ná thuộc quy hoạch nhóm cảng biển Nam Trung bộ (Nhóm 4) theo quy hoạch được duyệt, góp phần tạo đột phá phát triển nhanh và bền vững vùng công nghiệp trọng điểm phía Nam của tỉnh theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên môi trường biển, làm cơ sở phục vụ cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế biển. Kiến nghị Trung ương tiếp tục điều tra khảo sát tài nguyên biển Ninh Thuận và giúp tỉnh xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ đủ mạnh, tạo đột phá trong phát triển các ngành kinh tế biển. Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, chuyển giao công nghệ mới trong nuôi trồng thủy sản, nhất là công nghệ sinh học có năng suất và giá trị kinh tế cao, nhằm đáp ứng nhu cầu chế biến, xuất khẩu, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai ứng dụng các giải pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi, phát triển nuôi trồng, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề khai thác, bảo vệ đa dạng sinh học các vùng ven biển gắn với ứng phó có hiệu quả biến đổi khí hậu.

4. Xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế biển, đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ biển, các nhà doanh nghiệp giỏi và lực lượng lao động chuyên sâu đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế biển. Mở rộng hợp tác phát triển kinh tế biển, nhất là đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh trong khu vực Duyên hải Miền Trung, các tỉnh có tiềm lực kinh tế, khoa học công nghệ mạnh, để đáp ứng nhu cầu phát triển các ngành kinh tế biển của tỉnh trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

5. Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, và đa dạng sinh học vùng biển, tăng cường quốc phòng - an ninh. Các hoạt động hành nghề trên biển phải được quản lý chặt chẽ, nhằm bảo đảm cho các hoạt động kinh tế biển phát triển lành mạnh, ổn định và bền vững; Đồng thời thường xuyên tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của nhân dân về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường sinh thái biển.

6. Tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế biển; ưu tiên nguồn vốn Nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế biển, nhất là hạ tầng đô thị ven biển, giao thông, cấp nước; hạ tầng nuôi trồng thủy hải sản, hậu cần nghề cá; hạ tầng kỹ thuật các khu - cụm công nghiệp ven biển...; hỗ trợ phát triển ứng dụng khoa học công nghệ đối với các ngành ưu tiên phát triển của tỉnh; hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế biển...

Tiếp tục tập trung thu hút các doanh nghiệp lớn, có năng lực tài chính, có quyết tâm đầu tư; đồng thời, tăng cường công tác hậu kiểm, kiên quyết xử lý các dự án vi phạm tiến độ theo quy định của pháp luật, tạo sự thống nhất trong quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế biển. Có chính sách khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế biển, nhất là hạ tầng cảng biển, hạ tầng các khu - cụm công nghiệp và hạ tầng khu đô thị công nghiệp biển phía Nam của tỉnh... theo hình thức đối tác công

tu (PPP, BOT, BT); bảo đảm thu hút vốn các thành phần kinh tế và khu vực dân cư khoảng 14.000-14.500 nghìn tỷ đồng, chiếm 72-74%.

Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển; tham mưu bố trí kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 và hàng năm để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội vùng ven biển;

b) Tập trung tham mưu thu hút các nhà đầu tư, các doanh nghiệp lớn, có năng lực tài chính, có quyết tâm đầu tư; đồng thời phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan rà soát, tham mưu xử lý các dự án đầu tư thuộc các ngành kinh tế biển đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nhưng chậm triển khai và không có khả năng thực hiện;

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và các địa phương đưa nội dung báo cáo tình hình thực hiện Đề án vào báo cáo tình hình thực hiện kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch, tham mưu UBND tỉnh cân đối vốn ngân sách thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế biển;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi thuế, chính sách bảo hiểm; tham mưu bố trí ngân sách để hỗ trợ ngư dân và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển thủy sản theo Nghị định số 67, 89 của Chính phủ.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Đề án tổ chức lại nghề khai thác hải sản, gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường biển; hỗ trợ doanh nghiệp, ngư dân tham gia dân quân tự vệ biển;

b) Rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung Quy hoạch nuôi trồng thủy sản đến năm 2020, phát triển hạ tầng nghề cá; thủy lợi, đê kè chống sạt lở; trồng và bảo vệ rừng phòng hộ ven biển và các lĩnh vực khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương ven biển xây dựng cơ chế,

chính sách phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong việc quản lý, khai thác tài nguyên biển, đảm bảo gìn giữ tài nguyên môi trường, phát triển bền vững;

b) Tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch của tỉnh bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, tạo sức hút mạnh mẽ điểm đến của du lịch Ninh Thuận; mở rộng liên kết vùng và hợp tác với các tổ chức lữ hành quốc tế, để thu hút du khách đến với Ninh Thuận.

5. Sở Công Thương

a) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, nhất là địa bàn vùng ven biển, đáp ứng nhu cầu trao đổi mua bán các sản phẩm, hàng hóa vùng ven biển;

b) Tham mưu thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch các Cụm công nghiệp và thu hút các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp vùng ven biển, nâng cao tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu thủy hải sản; thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến công phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển của tỉnh.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai và môi trường vùng ven biển, hướng đến quản lý chặt chẽ các quỹ đất đã đưa vào sử dụng, bảo đảm đúng mục đích, chuyển đổi nâng cao hiệu quả sử dụng đất đúng quy định, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu kinh tế, xây dựng và phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 27/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý đất đai các dự án ven biển và Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 30/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn Tỉnh đến năm 2020;

b) Củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực quản lý nhà nước của Chi cục Biển; thực hiện nghiêm các quy định về đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển, trên biển; tiến hành kiểm tra, xác nhận đạt yêu cầu về môi trường trước khi cho phép đi vào hoạt động;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu thực hiện tốt Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển và Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

7. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, bổ sung chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao đối với những ngành có nhu cầu cấp thiết để đáp ứng nhân lực đẩy mạnh phát triển kinh tế biển của tỉnh;

b) Tăng cường mở rộng liên kết với các trường Đại học, các tổ chức quốc tế tổ chức đào tạo nâng cao trình độ cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển của Tỉnh.

8. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện ven biển và thành phố Phan Rang – Tháp Chàm căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch, cơ chế chính sách, chương trình, dự án phát triển ngành, lĩnh vực quản lý phục vụ phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng ven biển; tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong việc triển khai thực hiện thắng lợi Đề án.

Tăng cường quản lý quy hoạch và triển khai thực hiện theo đúng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu khu vực ven biển đảm bảo hài hòa giữa phát triển vùng nội địa và vùng biển, ven biển phù hợp Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020. Tăng cường công tác quản lý đất đai, nhất là quỹ đất hai bên tuyến đường ven biển, đường Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Thị Minh Khai, Hải Thượng Lãn Ông, Phan Đăng Lưu ..., nhằm khai thác có hiệu quả nguồn lực đất đai phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Định kỳ 6 tháng, 9 tháng và cả năm báo cáo kết quả thực hiện phát triển kinh tế biển về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp, báo cáo.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các hội đoàn thể có liên quan phối hợp với các Sở, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và phổ biến các chính sách có liên quan để người dân biết, thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh